

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2017

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Công Danh
2. Ông Đinh Văn Ba

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Lức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Ngọc Diễm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị Cẩm G, sinh năm 1986 (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Chí C, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp C, xã P, huyện B, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ghi ngày 06 tháng 03 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đoàn Thị Cẩm G trình bày:

Chị G với anh Huỳnh Chí C xác lập quan hệ vợ chồng là do quen biết; được gia đình cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh ngày 05 tháng 7 năm 2008.

Sau khi cưới, chị G và anh C về sống chung nhà cha mẹ chồng tại ấp C, xã P, huyện B, tỉnh Long An cho đến tháng 6 năm 2015. Đời sống chung vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, nhưng đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do anh C có quan hệ ngoại tình nên vợ chồng phát sinh tranh chấp và sống ly thân nhau. Từ khi sống ly thân, chị G và anh C không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Theo chị G thì tình cảm vợ chồng không còn, nên chị G yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Huỳnh Chí C.

Trong thời kỳ hôn nhân, chị G với anh C có một con chung tên Huỳnh Minh A, giới tính: Nữ; sinh ngày 28 tháng 10 năm 2008; hiện nay chị G đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A. Sau khi ly hôn, chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi con; chị G không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Chị G thừa nhận không có tài sản chung và cũng không có nợ chung với anh C.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12 tháng 5 năm 2017, bị đơn anh Huỳnh Chí C trình bày:

Anh C thống nhất về quá trình xác lập quan hệ vợ chồng, thủ tục đăng ký kết hôn và đời sống chung vợ chồng, thời gian vợ chồng sống ly thân nhau; nhưng anh C không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị G trình bày. Theo anh C mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống, nên chị G yêu cầu ly hôn thì anh C đồng ý.

Anh C thừa nhận có một con chung với chị G; con chung tên Huỳnh Minh A, giới tính: Nữ; sinh ngày 28 tháng 10 năm 2008; hiện nay cháu A được chị G đang chăm sóc, nuôi dưỡng; khi vợ chồng ly hôn anh C đồng ý để chị G tiếp tục nuôi con; anh C không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Anh C thống nhất với lời trình bày của chị G về tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên toà, chị G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn anh C vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đương sự có mặt đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn anh C đã được Toà án triệu tập họp lệ để tham dự phiên toà nhưng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tranh chấp hôn nhân giữa chị G với anh C là do bất đồng quan điểm sống; vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2015 cho đến nay, không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị G yêu cầu ly hôn thì anh C đồng ý.

Chị G với anh C có một con chung tên Huỳnh Minh A hiện nay do chị G nuôi dưỡng. Chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi con thì anh C đồng ý. Chị G không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, nên cần ghi nhận sự tự nguyện của đương sự.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị G về quan hệ hôn nhân, con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền của Toà án:* Chị G khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh

Huỳnh Chí C. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là tranh chấp ly hôn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] *Về việc vắng mặt của bị đơn*: Anh C đã được Toà án triệu tập họp lệ để tham gia phiên toà, nhưng đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt họp lệ. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] *Về phạm vi giải quyết của Hội đồng xét xử*: Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản ghi lời khai và Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì các đương sự chỉ tranh chấp về quan hệ hôn nhân, con chung, cấp dưỡng; không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung và thừa nhận không có nợ chung. Căn cứ Khoản 1 Điều 5, Khoản 3 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

[4] *Về hôn nhân*: Chị G và anh C xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh ngày 05 tháng 7 năm 2008, là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống; không có tiếng nói chung; không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không tôn trọng nhau; thường xuyên cãi vã nhau nên phát sinh mâu thuẫn; vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2015 cho đến nay. Từ khi sống ly thân, không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên khi chị G yêu cầu ly hôn thì anh C đồng ý. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị G với anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị G.

[6] *Về con chung*: Chị G với anh C có một con chung tên Huỳnh Minh A, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2008; giới tính Nữ; hiện nay cháu A do chị G chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi con và được anh C đồng ý; mặt khác, cháu A có giới tính nữ nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng phải phù hợp với tâm sinh lý về giới để đảm bảo cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Do đó, cần giao cháu A cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[7] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng*: Chị G không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận sự tự nguyện của chị G. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[8] *Về chia tài sản*: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] *Về nợ chung*: Các đương sự đều trình bày không có nên không đề cập.

[10] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39, Điều 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 89, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 53, 81, 82, 83, 84 và Khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Đoàn Thị Cẩm G đối với anh Huỳnh Chí C.

Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị Cẩm G được ly hôn với anh Huỳnh Chí C.

Về nuôi con chung: Chị G với anh C có một con chung tên Huỳnh Minh A, giới tính Nữ, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2008; hiện nay cháu A do chị G chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị G được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của chị G không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, nên anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí:

Chị Đoàn Thị Cẩm G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do chị G nộp theo Biên lai số 0005010 ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An sang án phí.

Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phương